CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

Số: 2699 /NMĐSH1-TM
V/v cung cấp báo giá đơn hàng "Thuê đơn vị quan trắc, lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ NMNĐ Sông Hậu 1, CSHT Trung Tâm Điện Lực Sông Hậu quý IV/2026"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 12 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ "Thuê đơn vị quan trắc, lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ NMNĐ Sông Hậu 1, CSHT Trung Tâm Điện Lực Sông Hậu quý IV/2026". NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị đơn vị quan tâm, cung cấp báo giá cho công tác mua sắm dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Thời gian thực hiện dịch vụ: Chi tiết như phụ lục đính kèm.

3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ.

4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 30 / 11 /2026.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:
Người nhận: Phòng Thương mại - NMNĐ Sông Hậu 1
Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ
Email: huongpt02@pvpgb.vn;hunglt@pvpgb.vn; longpx@pvpgb.vn; aithk@pvpgb.vn;vietct@pvpgb.vn;manhhd@pvpgb.vn;haipdm@pvpgb.vn;nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ NMĐSH1: N.V.Chính (để b/c);
- Lưu: VT, TM (P.T.H.02).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0100681592-036 CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm công văn số 2699 /NMĐSH1-TM ngày 12 /11/2026)

STT	Hạng mục	Phạm vi công việc	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
1	Tư vấn quan trắc, lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ NMĐ Sông Hậu 1	Như Mục A	01	Gói	Thực hiện Quý IV/2026
2	Tư vấn quan trắc, lập báo cáo cáo giám sát môi trường định kỳ CSHT Trung tâm Điện lực Sông Hậu (giai đoạn 1) năm 2026	Như Mục B	01	Gói	Thực hiện Quý IV/2026

Yêu cầu khác: Quý Công ty có thể báo giá các chỉ tiêu/thông số mà Quý Công ty có chức năng thực hiện theo quy định của pháp luật để Chủ đầu tư xem xét.

A. PHẠM VI CÔNG VIỆC TƯ VẤN QUAN TRẮC, LẬP BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ NMĐ SÔNG HẬU 1

I. KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH MẪU

1. Đối với nước thải từ hệ thống nước thải tập trung:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, trước và sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (NT1, NT2);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/lần và 01 năm/lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:*

+ Thông số quan trắc tần suất 3 tháng/lần: Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Selen, độ màu, BOD_5, Crom VI, Cr^{3+}, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, tổng xyanua, tổng phenol, Sunfua, Florua, tổng nitơ, tổng photpho, Clorua, Clo dư, tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng hoạt độ phóng xạ β, coliform.

+ Thông số quan trắc tần suất 01 năm/lần: tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCBs.

2. Đối với nước làm mát:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, tại công trình của nhận nước (NT1); trước khi nhập chung với nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý (NT2);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* Asen, Cadimi, Chì, Crom VI, Tổng Crom, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Thủy ngân, Tổng dầu mỡ, Coliform, pH, BOD_5, COD, Oxy hòa tan, Tổng chất rắn lơ lửng, Amoni, Clorua, Florua, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Xianua.

3. Đối với tiếng ồn, độ rung:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, vị trí tại khu vực nhà dân xung quanh nhà máy (TO1, TO2);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 05 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* Tiếng ồn, độ rung.

4. Đối với môi trường không khí xung quanh:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi lần quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 1 điểm, bao gồm 01 điểm tại khu vực dân cư xung quanh nhà máy (KK1);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 05 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/lần;

- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO_2, NOx, Hydrocacbon.

5. Đối với nước ngầm

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, vị trí tại Cửa xả Outfall (NN1), Vị trí cửa xả Discharge Pit (NN2).

- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;

- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/lần;

- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, SS, Fe, As, NH_3, NO_3, NO_2, Coliforms, Selen.

6. Đối với bùn thải

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, vị trí tại Khu xử lý nước thải công nghiệp (BT1) và Khu xử lý nước thải FGD (BT2).

- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;

- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/lần;

- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, Asen, Bạc, Bari, Cadimi, Coban, Chì, Kẽm, Niken, Selen, Thủy ngân, Crom VI, Tổng Xyanua, Tổng dầu, Phenol, Benzen, độ mặn (chỉ tiêu tham khảo).

7. Đối với chất thải rắn muối thải FGD

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, vị trí tại Khu xử lý nước thải FGD (MT1).

- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;

- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/lần;

- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, Asen, Bạc, Bari, Cadimi, Coban, Chì, Kẽm, Niken, Selen, Thủy ngân, Crom VI, Tổng Xyanua, Tổng dầu, Phenol, Benzen, độ mặn (chỉ tiêu quan trắc sử dụng để tham khảo).

8. Giám sát thu gom và xử lý các loại rác thải (3 tháng/lần)

Thông số quan trắc	Phương pháp quan trắc	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc
1. Hình thức thu gom các loại rác thải (chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại…)	Khảo sát thực địa, quan sát, ghi nhận và viết báo cáo	- Khuôn viên nhà máy	4 lần/năm
2. Khu vực tập kết rác (vị trí, diện tích số lượng thùng chứa,…)			
3. Hình thức xử lý từng loại rác thải (hợp đồng với đơn vị xử lý, bán phế liệu,…)			

Ngoài các chỉ tiêu này, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu khác đáp ứng yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong phạm vi khoản mục này.

Ghi chú:

- Mục 1-6, được thực hiện theo Giấy phép môi trường số 337/GPMT-BTNMT ngày 13/9/2023; Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 318/GP-BTNMT ngày 31/8/2023 và công tác quan trắc môi trường phục vụ công tác Thu xếp vốn cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (ECA);

II. DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ CẦN QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
1	***Nước thải từ hệ thống xử lý nước tập trung***				
	- Asen - Thủy ngân - Chì - Cadimi - Selen - Độ màu - BOD_5 - Crom VI - Cr^{3+} - Đồng - Kẽm - Niken - Mangan - Sắt - Tổng xyanua - Tổng phenol - Sunfua - Florua - Tổng nitơ - Tổng photpho - Clorua - Clo dư - Tổng hoạt độ phóng xạ α - Tổng hoạt độ phóng xạ β - Coliform	- Trước hệ thống xử lý nước thải tập trung. - Tại hố xả hở.	2	3 tháng /lần	1
	- Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ - Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ - Tổng pcbs	- Trước hệ thống xử lý nước thải tập trung. - Tại hố xả hở.	2	1 năm /lần	1

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
2	***Nước làm mát***				
	- pH - BOD_5 - COD - Oxy hòa tan - Tổng chất rắn lơ lửng - Amoni - Clorua - Florua - Nitrit - Nitrat - Phosphat - Xianua - Asen - Cadimi - Chì - Crom VI - Tổng Crom - Đồng - Kẽm - Niken - Mangan - Sắt - Thủy ngân - Tổng dầu mỡ - Coliform	- Tại công trình cửa nhận nước. - Trước khi nhập chung với nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý.	2	3 tháng /lần	1
3	***Tiếng ồn, độ rung***				
	- Tiếng ồn - Độ rung	Khu vực nhà dân xung quanh nhà máy	10	3 tháng /lần	1
4	***Môi trường không khí xung quanh***				
	- Tổng bụi lơ lửng (TSP) - CO - SO_2 - NOx - Hydrocacbon	- Khu vực dân cư xung quanh nhà máy.	5	6 tháng/lần	1
5	***Đối với nước ngầm***				

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
	- pH - SS - Fe - As - NH_3 - NO_3 - NO_2 - Coliforms - Selen	- Cửa xả Outfall - Vị trí cửa xả Discharge Pit	2	6 tháng /lần	1
6	***Đối với bùn thải***				
	- pH - Asen - Bạc - Bari - Cadimi - Coban - Chì - Kẽm - Niken - Selen - Thủy ngân - Crom VI - Tổng Xyanua - Tổng dầu - Phenol - Benzen	- Khu xử lý nước thải công nghiệp - Khu xử lý nước thải FGD	2	6 tháng/lần	1
7	***Đối với chất thải rắn muối thải FGD***				
	- pH - Asen - Bạc - Bari - Cadimi - Coban - Chì - Kẽm - Niken - Selen - Thủy ngân - Crom VI - Tổng Xyanua - Tổng dầu	- Khu xử lý nước thải FGD	1	6 tháng/lần	1

Stt	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí quan trắc	Số mẫu	Tần suất	Số lần thực hiện
	- Phenol - Benzen				
8	***Giám sát thu gom và xử lý các loại rác thải***				
	- Hình thức thu gom các loại rác thải (chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại…) - Khu vực tập kết rác (vị trí, diện tích số lượng thùng chứa,…) - Hình thức xử lý từng loại rác thải (hợp đồng với đơn vị xử lý, bán phế liệu,…)	- Khuôn viên nhà máy		3 tháng/lần	1

III. THU MẪU LÀM BÁO CÁO PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Thu mẫu: các mẫu như trên. Số lượng có thể được thay đổi theo tình hình thực tế.

Nghiên cứu, lập báo cáo phân tích môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 gửi Nhà máy sau mỗi đợt quan trắc.

Số lần lập báo cáo quan trắc: lập báo cáo phân tích môi trường của dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc, lập báo cáo tổng hợp cuối năm gửi Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 ***trước ngày 02/01 của năm sau***. Dịch các báo cáo từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh.

Giải trình về kết quả khi có yêu cầu của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 và cơ quan có thẩm quyền.

B. PHẠM VI CÔNG VIỆC TƯ VẤN QUAN TRẮC, LẬP BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ CSHT TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC SÔNG HẬU (GIAI ĐOẠN 1) NĂM 2026

I. KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH MẪU

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, cống xả từ khu Khu nhà điều hành Ban QLDA (NT1);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 3 tháng/1 lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, Độ đục, BOD_5, COD, Dầu mỡ, Nhiệt độ, Coliforms;
- *Tọa độ:*

  + NT 1: 9°56'56,72"N - 105°51'38,89''E.

2. Đối với môi trường không khí xung quanh:

- *Số điểm quan trắc*: Mỗi lần quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 02 điểm, bao gồm 01 điểm tại vị trí nút giao thông từ đường Nam Sông Hậu vào TTĐL (KK1); 01 điểm tại vị trí cảng (KK2);
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 01 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/1 lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* CO, SO_2, NO_x, Tổng bụi lơ lửng (TSP), Hydrocacbon, Tiếng ồn;
- *Tọa độ:*

  + KK 1: 9°56'46,27"N - 105°51'27,94"E;

  + KK 2 : 9°57'18.74"N - 105°51'58,12"E.

3. Đối với nước mặt:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, nước sông xung quanh khu vực dự án;
- *Số mẫu tại 01 điểm:* 02 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/1 lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* pH, Độ đục, TSS, BOD_5, COD, Dầu mỡ, Coliforms;
- *Tọa độ:*

  + NM 1: 9°56'34,7"N – 105°51'47,5"E;

  + NM 2: 9°57'15,8"N – 105°52'8,1"E.

4. Đối với thủy sinh:

- *Số điểm quan trắc:* Mỗi đợt quan trắc sẽ tiến hành lấy mẫu tại 01 điểm, vị trí tại Sông Hậu (TS1, TS2);

- *Số mẫu tại 01 điểm:* 02 mẫu;
- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/1 lần;
- *Các chỉ tiêu quan trắc tại mỗi điểm gồm:* Thực vật nổi (Phytoplankton), Động vật nổi (Zooplankton), Động vật đáy (Zoobenthos);
- *Tọa độ:*

  + TS 1: 9°57'39,2"N - 105°51'38,6"E;

  + TS 2: 9°56'48,6"N - 105°52'39,9"E.

Ghi chú: Vị trí các điểm (từ mục 1-4), theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Sông Hậu – giai đoạn 1 được UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 09/2/2011.

II. DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ CẦN QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH

1. Danh sách các thông số môi trường quan trắc, lấy mẫu phân tích.

Bảng 1.1. Danh sách các thông số môi trường nước thải sinh hoạt

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	pH	Cống xả từ khu Khu nhà điều hành Ban QLDA (NT1)	01	1
2	Độ đục			
3	BOD_5			
4	COD			
5	Dầu mỡ			
6	Nhiệt độ			
7	Coliforms			

Bảng 1.2. Danh sách các thông số môi trường không khí xung quanh.

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	CO	- Vị trí nút giao thông từ đường Nam Sông Hậu vào TTĐL (KK1) - Vị trí cảng (KK2)	02	1
2	SO_2			
3	NO_x			
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)			
5	Hydrocacbon			
6	Tiếng ồn			

Bảng 1.3. Danh sách các thông số môi trường nước mặt.

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	pH	Nước sông xung quanh	02	1

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
2	Độ đục	khu vực dự án (NM1, NM2)		
3	TSS			
4	BOD_5			
5	COD			
6	Dầu mỡ			
7	Coliforms			

Bảng 1.4. Danh sách các thông số môi trường thủy sinh.

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Vị trí các điểm quan trắc	Số lượng mẫu	Số lần thực hiện
1	Thực vật nổi (Phytoplankton)	Sông Hậu (TS1, TS2)	02	1
2	Động vật nổi (Zooplankton)			
3	Động vật đáy (Zoobenthos)			

III. THU MẪU LÀM BÁO CÁO PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Thu mẫu: các mẫu như trên. Số lượng có thể được thay đổi theo tình hình thực tế.

Nghiên cứu, lập báo cáo phân tích môi trường gửi Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc.

Số lần lập báo cáo quan trắc: ***01 lần trước ngày 02/01 của năm sau***, lập báo cáo kết quả phân tích môi trường gửi Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 sau mỗi đợt quan trắc. Dịch báo cáo tổng hợp từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh.

Giải trình về kết quả khi có yêu cầu của Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 và cơ quan có thẩm quyền.